

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 6 - 2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tình

2. Bà Nguyễn Thị Trang.

-Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long -Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại phòng xét xử Toà án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H, sinh năm 1994.

Căn cước công dân số: 012194000136; Cấp ngày 29/03/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ đề Tòa án liên hệ: Bản K, xã B, tỉnh Lai Châu - Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vàng Văn Đ, năm sinh 1993.

Căn cước công dân số: 010093000271; Cấp ngày 09/12/2022; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã B, tỉnh Lào Cai -Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Vàng Văn Đ tự nguyện kết hôn ngày 01/3/2016 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai, nay là UBND xã B, tỉnh Lào Cai. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ mãi chơi, không quan tâm đến gia đình vợ con, thường xuyên uống rượu say, có lúc còn đánh chị; anh Đ mãi chơi nên chị phải

bán tài sản của gia đình để trả nợ cho anh Đ. Do mâu thuẫn với bố mẹ anh Đ, năm 2023 anh Đ đã đưa bốn mẹ con chị sang bên nhà ngoại để làm ăn, sinh sống. Thời gian đầu, anh Đ chịu khó đi làm, nhưng được hai đến ba tháng thì tiếp tục chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con. Năm 2024 anh Đ về Bắc Hà ở, từ đó chị và anh Đ sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn của vợ chồng đã rất trầm trọng và đã sống ly thân một thời gian dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn Đ.

+ Về nuôi con khi ly hôn: Chị H và anh Đ có ba con chung là cháu Vàng Thanh T, sinh ngày 05/12/2016; cháu Vàng Thanh X, sinh ngày 07/4/2021 và cháu Vàng Thanh M, sinh ngày 20/11/2022, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện các cháu đang ở cùng chị H. Để ổn định việc học tập và sinh hoạt của các cháu, sau khi ly hôn chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba cháu, nhưng do anh Đ cũng muốn được nuôi con nên chị đề nghị được nuôi cháu T và cháu M, giải quyết cho anh Đ được nuôi dưỡng cháu X cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị và anh Đ làm ruộng nương và đi làm thuê thêm, thu nhập từ 8.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng/01 tháng đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Về chỗ ở: Chị và anh Đ chưa có nhà riêng, khi còn chung sống với nhau tại nhà của bố mẹ đẻ anh Đ.

+ Về quan hệ tài sản: Chị Lò Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Vàng Văn Đ trình bày: Anh hoàn toàn nhất trí với trình bày của chị H về thời gian kết hôn, quá trình chung sống giữa anh và chị H. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn, sau đó do cuộc sống khó khăn anh đã đưa bốn mẹ con chị H sang bên ngoại để làm ăn, do không làm ăn được nên năm 2024 anh phải đi nơi khác làm thuê, từ đó anh và chị H sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm giữa anh và chị H không còn, chị H làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị Lò Thị H.

+ Về nuôi con khi ly hôn: Anh Vàng Văn Đ nhất trí với chị Lò Thị H trình bày về con chung và điều kiện nuôi dưỡng con chung giữa anh và chị H. Khi ly hôn anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi dưỡng cháu Vàng Thanh T, cháu Vàng Thanh X; giải quyết cho chị H nuôi dưỡng cháu Vàng Thanh M, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về quan hệ tài sản: Anh Vàng Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên: Cháu Vàng Thanh T có nguyện vọng được ở với anh Đ hoặc chị H đều được.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

+Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

+Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Vàng Văn Đ.

+ Về con chung: Giao cháu Vàng Thanh T, sinh ngày 05/12/2016; cháu Vàng Thanh M, sinh ngày 20/11/2022 cho chị Lò Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T, cháu M đủ 18 tuổi; giao cháu Vàng Thanh X, sinh ngày 07/4/2021 cho anh Vàng Văn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi; chị Lò Thị H và anh Vàng Văn Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lò Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con khi ly hôn đối với anh Vàng Văn Đ có địa chỉ tại thôn N, xã B, tỉnh Lào Cai, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì các đương sự đều có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị H và anh Vàng Văn Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Chị H và anh Đ đều xác nhận tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh chị đều nhất trí thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng

hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[4] Về nuôi con khi ly hôn: Chị Lò Thị H và anh Vàng Văn Đ đều thừa nhận anh chị có ba con chung: Cháu Vàng Thanh T, sinh ngày 05/12/2016; cháu Vàng Thanh X, sinh ngày 07/4/2021 và cháu Vàng Thanh M, sinh ngày 20/11/2022, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện các cháu đang ở cùng chị H; cháu T có ý kiến được ở với chị H và anh Đ đều được. Sau khi ly hôn chị H đề nghị được nuôi dưỡng cháu T và cháu M; anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng T, cháu X, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện chị H và anh Đ đều làm nghề tự do, có thu nhập và điều kiện để nuôi con chung. Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt cũng như nguyện vọng của con, thì cả chị H và anh Đ đều có điều kiện nuôi con như nhau, hiện anh chị có ba con chung, do các cháu còn nhỏ và đang ở cùng chị H, để ổn định cuộc sống và học tập của các cháu nên giao cho chị H nuôi dưỡng cháu T và cháu M, giao cho anh Đ nuôi dưỡng cháu X cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị Lò Thị H và anh Vàng Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Lò Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị H và anh Vàng Văn Đ. Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Vàng Thanh T, sinh ngày 05/12/2016; cháu Vàng Thanh M, sinh ngày 20/11/2022 cho chị Lò Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T, cháu M đủ 18 tuổi; giao cháu Vàng Thanh X, sinh ngày 07/4/2021 cho anh Vàng Văn Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu X đủ 18 tuổi; chị Lò Thị H và anh Vàng Văn Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Lò Thị H phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001285 ngày 07/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 9-Lào Cai (2);
- Thi hành án DS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Bắc Hà;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

